

## Đáp án

1-B	2-D	3-D	4-C	5-B	6-A	7-D	8-A	9-A	10-C
11-B	12-B	13-B	14-A	15-C	16-A	17-A	18-B	19-A	20-B
21-A	22-B	23-B	24-B	25-A	26-A	27-D	28-A	29-A	30-C

## LỜI GIẢI CHI TIẾT

### Question 1: Đáp án B

Câu gốc ở hiện tại đơn với tobe is, chuyển sang câu hỏi đuôi là isn't. Chủ ngữ something nên ta dùng it để thay thế trong câu hỏi đuôi.

Dịch nghĩa: Chuyện gì đó không ổn với Jane hôm nay, phải không?

### Question 2: Đáp án D

Câu gốc ở thì hoàn thành tiếp diễn với trợ động từ has been, 's là viết tắt của has, chứ không phải của is, nên trong câu hỏi đuôi ta dùng hasn't she.

Dịch nghĩa: Cô ấy đã đang học tiếng Anh được hai năm rồi, phải không?

### Question 3: Đáp án D

Thì hoàn thành dùng trợ động từ have/ has. Chủ ngữ số ít nên dùng has.

Dịch nghĩa: Chuyến tàu vừa mới đến.

### Question 4: Đáp án C

Thấy been V-ing nên đây là thì hoàn thành tiếp diễn cần dùng trợ động từ have/ has/ had. Chủ ngữ là They nên dùng have.

Dịch nghĩa: Họ đã học tiếng anh được hai năm rồi

### Question 5: Đáp án B

Câu này ở hiện tại đơn nên dùng trợ động từ do/ does. Chủ ngữ My uncle nên dùng does.

Dịch nghĩa: Chú tôi không ăn cá.

### Question 6: Đáp án A

Câu này live ở dạng nguyên thể nên không thể là thì hoàn thành, ở thì hiện tại đơn, chủ ngữ I đi với trợ động từ do.

Dịch nghĩa: Tôi không sống ở đây.

### Question 7: Đáp án D

Thấy rung ở Vpp nên ta dùng thì hoàn thành. Chủ ngữ anybody được xem như ngôi thứ ba số ít nên dùng trợ động từ Has.

Dịch nghĩa: Đã có ai gọi cho tôi chưa?

### Question 8: Đáp án A

Trạng từ today nên dùng thì tiếp diễn, chủ ngữ I đi với trợ động từ tobe là am.

Dịch nghĩa: Tôi không làm việc hôm nay.

### **Question 9: Đáp án A**

Hành động bố trở về cắt ngang hành động dài cô ấy đang nói chuyện trên điện thoại. Ta dùng quá khứ tiếp diễn cho hành động dài, trợ động từ là was/ were. Chủ ngữ là She nên dùng was.

Dịch nghĩa: Khi bố cô ấy về, cô ấy đang nói chuyện trên điện thoại.

### **Question 10: Đáp án C**

Hành động xảy ra trước một hành động khác trong quá khứ, ta dùng thì quá khứ hoàn thành, trợ động từ là had.

Dịch nghĩa: Khi tôi đến bữa tiệc, Jane đã về nhà rồi.

### **Question 11: Đáp án B**

Thấy eaten là động từ ở Vpp nên đây có thể là thì hoàn thành hoặc dạng bị động. Tuy nhiên Dịch nghĩa ai ăn bánh quy thì không phải là bị động nên với thì hoàn thành ta dùng trợ động từ have/ has. Câu hỏi Who thì ta dùng như ngôi 3 số ít, dùng has.

Dịch nghĩa: Ai đã ăn bánh quy của tôi vậy?

### **Question 12: Đáp án B**

Động từ chính matter nên chỉ cần thêm trợ động từ. DO không đi với It, còn is và has thì không thể làm trợ động từ cho V-inf matter được.

Dịch nghĩa: Không quan trọng đâu.

### **Question 13: Đáp án B**

Để trả lời ngắn bày tỏ sự đồng tình với câu phủ định, ta dùng Neither + trợ động từ khẳng định + chủ ngữ HOẶC Chủ ngữ + trợ động từ phủ định + either. Do trong câu gốc dùng tobe nên trong câu trả lời ta cũng phải dùng tobe.

Dịch nghĩa: Stan đang không đi làm. - Tôi cũng vậy.

### **Question 14: Đáp án A**

Thấy played nên có thể là quá khứ, thì hoàn thành hoặc bị động. Nhưng Dịch nghĩa câu, âm nhạc được phát, nên phải là bị động với trợ động từ tobe. Chỉ có A và D có tobe, nhưng không có had be (chỉ có had been).

Dịch nghĩa: Nhạc nào sẽ được phát thế?

### **Question 15: Đáp án C**

Thấy trợ động từ has, Vpp là cut, nên ta dùng been. The tree has been cut, đảo thành câu hỏi là Has the tree been cut?

Dịch nghĩa: Cây bị đốn rồi à?

### **Question 16: Đáp án A**

Câu này ở bị động, động từ chính là closed, to be is là trợ động từ.

Dịch nghĩa: Cửa đã bị đóng.

**Question 17: Đáp án A**

Trong thì hiện tại hoàn thành, trợ động từ là have, động từ chính là been.

Dịch nghĩa: Bạn đã ở đâu vậy?

**Question 18: Đáp án B**

Are ở đây là động từ chính, ngoài ra không còn động từ nào khác trong câu.

Dịch nghĩa: Bố mẹ tôi đang đi nghỉ.

**Question 19: Đáp án A**

Thì quá khứ hoàn thành, trợ động từ là had, động từ chính là finished.

Dịch nghĩa: Tôi đã hoàn thành bữa sáng khi chuông điện thoại reo.

**Question 20: Đáp án B**

DO thứ nhất là trợ động từ trong câu hỏi được đảo lên trước chủ ngữ. DO thứ hai là động từ chính trong cụm từ DO FOR A LIVING: kiếm sống.

Dịch nghĩa: Bạn làm gì để kiếm sống?

**Question 21: Đáp án A**

Đằng sau playing có tân ngữ the violin nên đây là ngoại động từ.

Dịch nghĩa: Chúng tôi đang chơi violin.

**Question 22: Đáp án B**

at 2:00 PM là trạng ngữ chỉ thời gian, không phải là tân ngữ chịu tác động từ hành động start nên ở đây start là nội động từ.

Dịch nghĩa: Họ sẽ bắt đầu lúc 2h chiều.

**Question 23: Đáp án B**

in Mexico for two years là trạng ngữ chỉ không gian, không phải là tân ngữ chịu tác động của hành động live nên đây là nội động từ.

Dịch nghĩa: Chúng tôi sống ở Mexico hai năm.

**Question 24: Đáp án B**

laugh ở đây đi kèm sau là giới từ rồi mới đến tân ngữ, nên the joke không phải là tân ngữ trực tiếp của laugh. Nên laugh ở đây là nội động từ.

Dịch nghĩa: Họ cười câu chuyện hài.

**Question 25: Đáp án A**

Gave ở đây có tân ngữ trực tiếp là the book. the book chịu tác động từ hành động give nên ở đây ta có ngoại động từ

Dịch nghĩa: Anh ta đưa quyển sách cho cô giáo.

**Question 26: Đáp án A**

Thì hiện tại hoàn thành có trợ động từ have/ has/ had, sau đó là Vpp. Do chủ ngữ là my brother số ít nên dùng has been.

Dịch nghĩa: Anh trai tôi đã đến Mexico 3 lần rồi.

**Question 27: Đáp án D**

Thì hiện tại hoàn thành S has/ have Vpp. Trong đó Vpp của lose (mất) là lost.

Tôi làm mất chìa khóa rồi.

**Question 28: Đáp án A**

Trạng ngữ last week nên chia ở quá khứ đơn. Dạng quá khứ đơn của see là saw.

Dịch nghĩa: Tôi gặp John tuần trước.

**Question 29: Đáp án A**

Vpp của know là known.

Dịch nghĩa: Tôi đã biết Julie được 10 năm rồi.

**Question 30: Đáp án C**

Thì quá khứ của stop là stopped.

Dịch nghĩa: Cô ấy dừng lại để đổ xăng.